

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175/2018/HNGĐ-ST

Ngày 31-8-2018

V/v ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Hồng Thê

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải

Bà Trần Thị Minh Hoi

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Kỳ

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên
tòa:*** Ông Nguyễn Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 133/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2018 về ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Trần Tử L – sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm N L, xã NL, huyện N Đ, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Chị Hồ Thị T – sinh năm 1981

Địa chỉ: xóm 8, xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng: ông Hồ Xuân T – có mặt.

Địa chỉ: xóm 8 xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày 19/6/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, nguyên đơn anh Trần Tử L trình bày giữa nguyên đơn và

bị đơn chị Hồ Thị T đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại UBND xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Hôn nhân hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn một thời gian vợ chồng sống cùng bố mẹ vợ tại xã T S, huyện Đô Lương. Đến năm 2009 anh L và chị T cùng vào miền nam làm ăn và sau vài tháng thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn rồi ly thân và cắt đứt liên lạc, không còn liên hệ với nhau. Anh L tiếp tục đi làm thuê tại Đồng Nai và trong năm 2014 đã bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”; sau khi mãn hạn tù, anh trở về quê tại xã N L, huyện N Đ tỉnh Nghệ An làm ruộng. Do không còn tình cảm vợ chồng với chị T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Ly hôn bị đơn chị Hồ Thị T;

- Con chung: có 01 con chung là Trần Thị Kiều Anh, sinh ngày 20/8/2006. Con chung hiện tại đang sống cùng chị T. Anh L đề nghị giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi và chấp nhận cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng cho đến khi con chung trưởng thành theo yêu cầu của chị T. Anh L không chấp nhận yêu cầu bồi hoàn công sức nuôi con trong suốt 10 năm tương ứng số tiền 120.000.000 đồng của chị T vì cho rằng sau khi sinh con chung được một năm, bố mẹ anh L có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kiều Anh để hỗ trợ vợ chồng anh L chị T, tuy nhiên chị T và bố mẹ chị T không đồng ý. Hơn nữa trong thời gian vợ chồng ly thân, từ năm 2014 anh còn bị vướng vào lao lý, tù tội không có thu nhập. Sau khi ra tù đến nay, anh vẫn chưa tái hòa nhập với cộng đồng, chỉ theo bố mẹ để làm ruộng cùng gia đình và vẫn đang thuộc diện hộ nghèo. Anh L đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vấn đề bồi hoàn tiền cấp dưỡng theo pháp luật mà không chấp nhận với yêu cầu của nguyên đơn.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: từ năm 2009 đến nay vợ chồng ly thân nên không có chung khoản nợ cá nhân, tổ chức nào và nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Hồ Thị T vắng mặt nhưng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn có ý kiến:

- Chấp nhận ly hôn vì không còn tình cảm. Sau khi chung sống đến năm 2009, chị T phát hiện anh L không chung thủy, có quan hệ với phụ nữ khác và vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ đó. Mâu thuẫn ngày một trầm trọng hơn khi anh L bỏ đi và không quan tâm đến gia đình. Từ thời điểm đó cho đến nay anh L không một lần quan tâm, thăm hỏi vợ con. Thời gian gần đây, chị T phát hiện anh L làm đám cưới và sống chung với người phụ nữ khác. Chị T cũng cho rằng tình cảm vợ chồng không còn nữa, không thể duy trì cuộc sống hôn nhân. Anh L yêu cầu ly hôn chị thì chị cũng đồng ý vì thấy rằng không thể sống chung với một người chồng không có trách nhiệm.

- Con chung: có 01 con chung là Trần Thị Kiều Anh, sinh ngày 20/8/2006. Con chung hiện tại chị đang gửi bố mẹ đẻ của chị chăm sóc. Nay ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung trưởng thành. Ngoài ra, theo chị T, kể từ khi anh L bỏ đi cho đến nay, anh L chưa một lần có trách nhiệm với con chung, chỉ có một mình chị chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, anh L phải có trách nhiệm bồi hoàn tiền nuôi dưỡng con cho chị T từ khi anh L bỏ đi (năm 2009) cho đến nay (năm 2018) là 10 năm tương ứng với số tiền 120.000.000 đồng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ tài sản chung: vợ chồng không nợ cá nhân, tổ chức nào và bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng ông Hồ Xuân T trình bày tại phiên tòa: sau khi vợ chồng L – T vào miền Nam kiếm sống thì cháu Kiều Anh được vợ chồng ông trực tiếp chăm sóc. Kể từ năm 2009 đến nay, chị T là người trực tiếp gửi tiền cho ông bà thanh toán các khoản sinh hoạt phí, học tập của cháu Kiều Anh, cụ thể mỗi tháng dao động từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng. Cháu Trần Thị Kiều Anh đề nghị Tòa án cho phép được ở cùng với mẹ và cũng đề nghị bố thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương phát biểu ý kiến theo quy định tại điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự như sau:

- Về tố tụng:

Thẩm phán đã tuân thủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý vụ án, thông báo thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác minh và thu thập chứng cứ cũng như thời hạn giải quyết vụ án.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định về thành phần, nguyên tắc xét xử, trình tự tố tụng tại phiên tòa.

Thư ký Tòa án thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự chấp hành nghiêm chỉnh quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: đề nghị áp dụng điều 28, 35, 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình: giải quyết cho anh Trần Tử L được ly hôn với chị Hồ Thị T; giao con chung Trần Thị Kiều Anh cho chị T trực tiếp nuôi, buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn là 1.000.000 đồng/tháng; không đồng ý giải quyết bồi hoàn một phần công sức nuôi con theo yêu cầu của chị T; không giải quyết tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] . Về tố tụng: Đây là vụ án có tranh chấp về người trực tiếp nuôi con chưa thành niên khi ly hôn và con chung hiện đang thường trú tại xã T S nên Tòa án tiến hành thu thập ý kiến của UBND xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ

An về nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp là phù hợp với quy định tại khoản 3 điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn có đề nghị Tòa án cho phép ông Hồ Xuân T là bố đẻ của bị đơn tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét: việc tham gia phiên tòa của ông T có thể làm sáng tỏ được một số tình tiết của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Hồ Xuân T tham gia phiên tòa với tư cách là người làm chứng trong vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét anh Trần Tử L và chị Hồ Thị T đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại UBND xã T S, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và không vi phạm các quy định về điều kiện kết hôn tại điều 9, điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Như vậy hôn nhân hợp pháp.

Các đương sự thừa nhận đã không chung sống với nhau từ năm 2009 cho đến nay và cả hai bên đều không còn tình cảm vợ chồng. Như vậy cả anh L và chị T đã vi phạm nghĩa vụ sống chung, thương yêu, chăm sóc, quan tâm giúp đỡ nhau theo quy định tại điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên có cơ sở để khẳng định, hôn nhân giữa anh L và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì thế cần áp dụng điều 56 Luật hôn nhân và gia đình 2014, xử cho anh Trần Tử L ly hôn với chị Hồ Thị T.

Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Kiều Anh, sinh ngày 20/8/2006. Con chung hiện đang do chị T và bố mẹ đẻ chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Kiều Anh xin được ở với mẹ. Anh L và chị T thống nhất việc giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi và anh L cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ sau khi ly hôn là phù hợp với nguyện vọng của cháu Kiều Anh. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi và buộc anh L cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000 đồng/tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn còn yêu cầu nguyên đơn bồi hoàn tiền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung kể từ năm 2009 cho đến thời điểm xét xử là 10 năm tương ứng với số tiền 120.000.000 đồng. Nguyên đơn không chấp nhận.

Xét: cháu Kiều Anh sinh năm 2006, là con chung của các đương sự nên anh L và chị T phải thực hiện nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chưa thành niên theo quy định tại khoản 1 Điều 71 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do các đương sự đều thừa nhận, từ năm 2009 đến nay, vợ chồng ly thân, anh L không liên lạc gì với chị T và mặc dù không trực tiếp nuôi dưỡng con chung nhưng anh L cũng không có trách nhiệm gì trong việc đóng góp vào chi phí nuôi con là thuộc vào trường hợp trốn tránh nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 107 Luật Hôn nhân và gia đình 2014.

Vì vậy, việc chị T yêu cầu anh L phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con trong thời gian ly thân là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, cũng cần xem xét: từ năm 2014, anh L bị điều tra, truy tố và bị Tòa án kết tội “Gây rối trật tự công cộng” với mức án 14 tháng tù; sau khi mãn hạn tù cho đến nay, anh vẫn chưa tái hòa nhập với cộng đồng, chỉ theo bố mẹ đẻ làm ruộng cùng gia đình, vẫn đang thuộc diện hộ nghèo năm 2018. Do đó, có cơ sở để xác định từ năm 2014 đến nay, anh L lâm vào tình trạng khó khăn về kinh tế mà không có khả năng cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử cho anh L được tạm ngừng cấp dưỡng trong thời gian này.

Như vậy, thời gian anh L bị buộc phải chịu chi phí nuôi con là từ năm 2009 đến 2013. Ông Hồ Xuân T (bố đẻ của chị T) thừa nhận, thời gian qua, do chị Thủy bận làm ăn nên việc chăm sóc cháu hàng ngày do vợ chồng ông bà thực hiện; chỉ có một mình chị T là người gửi tiền cho ông bà mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng để chi trả các khoản sinh hoạt phí cho cháu Kiều Anh. Do vậy anh L có nghĩa vụ giao lại khoản tiền cấp dưỡng nuôi con chung (bằng $\frac{1}{2}$ chi phí nuôi con chung) cho chị T trong 5 năm tương ứng số tiền là 30.000.000 đồng là phù hợp.

Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về vấn đề khác: chị T cho rằng, thời gian gần đây anh L có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về thực hiện chế độ hôn nhân một vợ một chồng nhưng không có yêu cầu xử lý, anh L không thừa nhận. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề này.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa không có kiến nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn, án phí cấp dưỡng theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83, 107, 110, 119 Luật hôn nhân và gia đình

Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

- Cho anh Trần Tử L ly hôn với chị Hồ Thị T.

- Về con chung: giao con chung Trần Thị Kiều Anh, sinh ngày 20/8/2006 cho chị Hồ Thị T trực tiếp nuôi.

Anh Trần Tử L cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ mỗi tháng 1.000.000 (Một triệu) đồng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung trưởng thành. Anh L còn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung từ năm 2009 đến năm 2013 với số

tiền là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng. Các khoản tiền cấp dưỡng này anh L phải giao lại cho chị Hồ Thị T.

Anh L có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Nếu anh L lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị T có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Chị T cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án các khoản tiền cấp dưỡng, nếu người phải thi hành án không thi hành thì còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ tài sản chung: không giải quyết.

- Về án phí: anh Trần Tử L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0004151 ngày 19/6/2018 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương phát hành. Anh Trần Tử L còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- UBND xã T S;
- CCTHADS huyện Đô Lương;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Thị Hồng Thế